

To go from Shanghai to Chongming Island 崇明岛

From Wenshui rd metro station (line 1) **汶水路站** go to Central bus hub

Gonghexinlu **中环共和新路枢纽站** situated 100 m from the metro station by the bridge (metro exit 4) and take one of the 2 lines going to Chongming island :

Shenchongline 1 申崇一线

Going to Chenjiazhen bus station **陈家镇汽车站**

Zhōnghuán Gònghéxīn Road, Hub Station (05:55-21:00)

1- Zhōnghuán Gònghéxīn Road, Hub Station **中环共和新路枢纽站**

2- **Chénjiā Township Bus Station** **陈家镇汽车站**

Chénjiā Township Bus Station (05:55-21:00)

1 - Chénjiā Township Bus Station **陈家镇汽车站**

2 - Zhōnghuán Gònghéxīn Road, Station **中环共和新路枢纽站**

Shenchongline 3 申崇三线

Going to Chongming South Gate Station **崇明南门站** also called Nanmen

Port **南门港**

Wènshuǐ Road, Gònghéxīn Road (05:55-21:00)

1- Wènshuǐ Road, Gònghéxīn Road **汶水路共和新路**

2- **South Gate Bus Station** **南门汽车站**

South Gate Bus Station (05:55-21:00)

1- South Gate Bus Station (Namen) **南门汽车站**

2- Wènshuǐ Road, Gònghéxīn Road **汶水路共和新路**

There are 8 bus lines on the island:

1. Nan Jiang Line is from Nan Men to Yangtze Farm;
2. Nan Dong Line is from Nan Men to Qian Wei Village;
3. Bao Sheng Line is from Bao Village Port to Qian Wei Village;
4. Xin Cen Line is from Xin He Bus Station to Dongping Forest Park;
5. Nan Jian Line is from Nan Men to Lv Gang Village
6. Nan Niu Line is from Nan Men to floodgate;
7. Bao Chen Line is from Bao Village to Chen Jia Village;
8. Chen Bai Line is from Chen Jia Village to Ying Dong Village.

Nanjiang Line 南江专线

Chángjiāng Farm (05:00-18:25)

1. Chángjiāng Farm 长江农场
2. Dairy 奶牛场
3. Yuánjiàn No 6 Factory 元件六厂
4. Chóngmíng Airport 崇明机场
5. Dōngpíng Shop 东平商店

6. Forest Park 森林公园

7. Líncháng 林场
8. Dōngfēng 3rd Sub-Plant 东风三分厂
9. Páiyá Township 排衙镇
10. Bāzìqiáohé 八字桥河
11. Miàozihé 庙子河
12. Yóuchēhé 油车河
13. Fùmín Village 富民村
14. Chéngběi Township 城北镇
15. Tiānxiānhé 天仙河
16. Jìngnán Community 静南小区
17. Dīngjiāqiáo 丁家桥
18. Qiáozhèn 桥镇
19. Dōngmén Road, Běimén Road 东门路北门路
20. East Gate 东门

21. South Gate Bus Station 南门汽车站

Nandong Line 南东专线

South Gate Bus Station (4:45-19:05)

1. South Gate Bus Station 南门汽车站

2. East Gate 东门
3. Dōngmén Road, Běimén Road 东门路北门路
4. Qiáozhèn 桥镇
5. Dīngjiāqiáo 丁家桥
6. Dōngsānjiāngkǒu 东三江口
7. Áoshānshōuhuā Station 鳌山收花站
8. Tuánchéng Highway, Jiànshè Highway 团城公路建设公路
9. Xīnjìn 新进
10. Huángjiālòng 黄家弄
11. Guānjiān 官尖
12. Jiànshè Township Government 建设镇政府
13. Jiànshè Township 建设镇
14. Jièshān Primary School 界山小学
15. Hóngqiáo 虹桥
16. Hóngméi 红梅
17. Dōngfēngshí'èrdùì 东风十二队
18. Líncháng 林场

19. Forest Park

森林公园

20. East Textile Plant 东纺厂
21. Qiánglì Station 强力站
22. Tuīguǎng Station 推广站
23. Dōngfēng New Estate 东风新村
24. Xiànliángzhǒngchǎng 县良种场
25. Liángguǒ 良果
26. Qiánwèi Village 前卫村

Nanjian Line 南建专线

Xīnjiàn Lock (04:55-19:10)

1. Xīnjiàn Lock 新建水闸
2. Xīnjiànhékǒu 新建河口
3. Lǜhuá Township 绿华镇
4. No 8 Bridge 八号桥
5. Dairy 奶牛场
6. Yùxīn Village 育新村
7. Xīnhǎi Lock 新海水闸
8. West Xīnzhèn 西新镇
9. Xīndōng 新东
10. Hǎibīn Village 海滨村
11. Sānxīng Township 三星镇
12. Chúnyángtángqiáo 纯阳堂桥
13. Sānxīng Middle School 三星中学
14. Xiéjìn Village 协进村
15. Cǎopéng Township 草棚镇
16. Jièhéqiáo 界河桥
17. Qīngshuǐguān Palace 清水官宫
18. Dōng'ān Village 东安村
19. Nánxīngqiáo 南星桥
20. Yǒu'ài Shop 友爱商店
21. Qiáobíngǎngqiáo 桥鼻港桥
22. Machinery Plant 机械厂
23. Miàozhèn 庙镇
24. Ègūgǎngběiqiáo 鄂鹄港北桥
25. Xiǎogāoqiáo 小高桥
26. Wángjiāqiáo 王家桥
27. Xīsānjiāngkǒu 西三江口
28. Miàozhèn Health Center 庙镇卫生中心
29. Shěnjiāwān 沈家湾
30. Shuāngjīn 双津

Nanniu Line 南牛线

South Gate Bus Station (05:10-16:45)

1. South Gate Bus Station 南门汽车站
2. Xīmén Road, Běimén Road 西门路北门路
3. Dōngmén Road, Běimén Road 东门路北门路
4. Qiáozhèn 桥镇
5. Nánshuāngǎng 南双港
6. Límín Road, Dàishān Road 利民路岱山路
7. Shuāngjīn 双津
8. Shěnjiāwān 沈家湾
9. Hóngdá Village 宏达村
10. Jiāngmín Road 江民路
11. Shuāngqiáo Village 双桥村
12. Xiǎogāoqiáo 小高桥
13. Miàonán Village 庙南村
14. Pānguā Township 番瓜镇
15. Àimín Village 爱民村
16. Miàogǎngqiáo 庙港桥
17. Shěnzhen Village 沈镇村
18. Hǎibà Township 海坝镇
19. Hónghǎi Village 洪海村
20. Hǎihónggǎngqiáo 海洪港桥
21. Hǎihónggǎng Village 海洪港村
22. Chénhǎi Highway,
23. Sānhuá Road 陈海公路三华路
24. Lièshì Village 烈士村
25. Yùdé Village 育德村
26. West Xīnzhèn 西新镇
27. Xīnhǎi Lock 新海水闸
28. Dairy 奶牛场
29. No 8 Bridge 八号桥
30. Lùhuá Township 绿华镇
31. Xīnjiànhékǒu 新建河口

Chenbai Line 陈白线

Chénjiā Township (Chángjiāng Bridge) (05:53-18:05)

1. Chénjiā Township (Chángjiāng Bridge) 陈家镇(长江大桥)
2. Chénjiā Township 陈家镇
3. Chénjiāzhènlíáng Station 陈家镇粮站
4. Tiětǎ 铁塔
5. Yīnjiāhétóu 尹家河头
6. Xīnqiáo Shop 新桥商店
7. Lòugǎngqiáo 露港桥
8. Yíngfáng 营房
9. Yíngdōng Village 瀛东村

Yíngdōng Village (05:30-17:40)

1. Yíngdōng Village 瀛东村
2. Yíngfáng 营房
3. Lòugǎngqiáo 露港桥
4. Xīnqiáo Shop 新桥商店
5. Yīnjiāhétóu 尹家河头
6. Tiětǎ 铁塔
7. Chénjiāzhènlíáng Station 陈家镇粮站
8. Chénjiā Township 陈家镇
9. Chénjiā Township (Chángjiāng Bridge) 陈家镇(长江大桥)

Baosheng Line 堡生专线

Bǎozhèn Bus Station (05:55-19:00)

1. Bǎozhèn Bus Station 堡镇汽车站
2. Stadium 体育场
3. Xiǎo Market 小菜场
4. Nánbǎo Township 南堡镇
5. Cáimào Middle School 财贸中学
6. Gāoshíqiáo 高石桥
7. Xīnhuá Station 新华站
8. Huìmínhé 惠民河
9. Shùhé Township 竖河镇
10. Yǎnchán Township 眼馋镇
11. Dà Xīnzhèn 大新镇
12. Chūnfēng Station 春风站
13. Lābā Township 喇叭镇
14. Qiánjìn Farm 前进农场
15. Qiánjìnliángyóu Station 前进粮油站
16. Qiánjìndāojùchǎng 前进刀具厂
17. Mínshēnggǎng 民生港
18. Dāojiǎnchǎng 刀剪厂

19. Chángjiāng Farm 长江农场

Chángjiāng Farm (05:55-19:00)

1. Chángjiāng Farm 长江农场
2. Dāojiǎnchǎng 刀剪厂
3. Mínshēnggǎng 民生港
4. Qiánjìndāojùchǎng 前进刀具厂
5. Qiánjìnliángyóu Station 前进粮油站
6. Qiánjìn Farm 前进农场
7. Lābā Township 喇叭镇
8. Chūnfēng Station 春风站
9. Dà Xīnzhèn 大新镇
10. Yǎnchán Township 眼馋镇
11. Shùhé Township 竖河镇
12. Huìmínhé 惠民河
13. Xīnhuá Station 新华站
14. Gāoshíqiáo 高石桥
15. Cáimào Middle School 财贸中学
16. Nánbǎo Township 南堡镇
17. Xiǎo Market 小菜场
18. Stadium 体育场
19. Bǎozhèn Bus Station 堡镇汽车站

